

Số: 85 /2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 723/TTr-SNV ngày 28 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn và những văn bản quy định khác được áp dụng trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TC THPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Trung tâm điều hành TT tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Bảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2026/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 9 năm 2026 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

- Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hợp lý; hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.
- Bảo đảm và đề cao tính tự quản của cộng đồng dân cư; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.
- Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.
- Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh,

trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn. Tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ phó tổ dân phố. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Nhân dân tại thôn, tổ dân phố trực tiếp bầu theo quy định của pháp luật và Quy chế này. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trong trường hợp cần bảo đảm thống nhất với thời điểm tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do tình huống bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức bầu cử đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định.

Riêng đối với thôn, tổ dân phố sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (bao gồm cả thôn, tổ dân phố giữ nguyên) thì nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được xác định là nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị của thôn, tổ dân phố được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời điểm cuối năm theo Điều 33 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì.

2. Tại hội nghị, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo với Nhân dân về tình hình của thôn, tổ dân phố, kết quả thực hiện các nội dung đã được cộng đồng dân cư bàn và quyết định. Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện dân chủ ở thôn, tổ dân phố và trên địa bàn cấp xã. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại thôn, tổ dân phố báo cáo, cung cấp thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xem xét, xác minh theo kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn.

Điều 7. Quyết định của cộng đồng dân cư

Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản theo quy định tại Điều 20 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Chương III**TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ****Điều 8. Tiêu chuẩn của người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố**

1. Đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Đối với Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố thực hiện theo Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 20/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương và Hướng dẫn số 03-HD/BTCTU ngày 21/6/2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp, thành lập tổ chức đảng ở thôn, tổ dân phố và các quy định khác có liên quan.

3. Đối với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều lệ, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

4. Đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Đối với Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn xã, phường, đặc khu từ 21 tuổi trở lên, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao;

Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư, được Nhân dân tín nhiệm; ưu tiên người có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và các nhiệm vụ cấp trên giao; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

b) Đối với các chức danh còn lại thực hiện theo hướng dẫn của cấp ủy, chính quyền cấp xã, Điều lệ, hướng dẫn của các tổ chức ngành dọc cấp trên và các quy định khác có liên quan.

Điều 9. Nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Đối với Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của cấp ủy cấp trên và quy chế làm việc của Chi bộ; chịu trách nhiệm trước Chi bộ và cấp ủy cấp trên về việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chi bộ theo quy định của Đảng.

2. Đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

3. Đối với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều lệ, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo sự phân công của Chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố.

Điều 10. Quản lý và đào tạo, bồi dưỡng đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Ngoài những nhiệm vụ quy định tại Điều 9 Quy chế này, người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố còn chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã và các quy định khác có liên quan.

2. Người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Mọi quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**1. Mọi quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã**

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình mọi mặt của thôn, tổ dân phố và đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Mọi quan hệ với Chi bộ thôn, tổ dân phố

Chấp hành sự lãnh đạo và kiểm tra, giám sát của Chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Mọi quan hệ với Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố

a) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để tổ chức, vận động Nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

b) Phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc vận động Nhân dân triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

4. Mọi quan hệ với Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã

a) Phối hợp với Công an xã trong công tác nắm tình hình địa bàn, quản lý cư trú, tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội tại địa bàn dân cư.

b) Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự xã trong công tác quốc phòng địa phương, quản lý nguồn công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, dân quân tự vệ; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn và các nhiệm vụ liên quan đến quân sự, quốc phòng địa phương ở cơ sở theo quy định.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động tự quản ở thôn, tổ dân phố.

6. Mọi quan hệ với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội;

phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố; không để xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất chính quyền cấp xã giải quyết những ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố.

c) Tổ chức công khai đầy đủ để Nhân dân biết các nội dung theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và kế hoạch thực hiện các nội dung công khai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương IV

QUY TRÌNH BẦU, CÔNG NHẬN VÀ CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ; CÔNG NHẬN, CHO THÔI LÀM PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể như sau:

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Tổ bầu cử gồm: Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố, không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Các quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 07 ngày trước tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

4. Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử, ít nhất 01 người.

Nội dung cuộc họp Ban công tác Mặt trận phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Điều 13. Tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Tổ bầu cử do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm: Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố (đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm).

3. Việc tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý;

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan đến việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo chương trình cuộc họp;

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

d) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử do Ban công tác Mặt trận quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này. Tại hội nghị này đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định;

đ) Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri; Tổ bầu cử tổng hợp danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín và có giá trị khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý;

e) Sau khi biểu quyết thống nhất số lượng và danh sách người ứng cử để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Nếu có trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự cuộc họp thì tiếp tục tiến hành các bước bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại Điều này. Nếu không đủ 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự cuộc họp để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

g) Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

- Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định nếu có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

- Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp kiểm đếm số người giơ tay biểu quyết.

- Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người (gồm Trưởng ban và các thành viên) để đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết bằng hình thức giơ tay. Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý. Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu và tiến hành phát phiếu.

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu (trong quá trình kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu mời 02 đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp chứng kiến việc kiểm phiếu) và lập biên bản kiểm phiếu theo Mẫu số 02 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri đại diện hộ gia đình tham gia cuộc họp; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố.

Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu được lập thành 03 bản và gửi kèm theo Quyết định của cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và lưu tại thôn, tổ dân phố.

h) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết hoặc kiểm phiếu và kết luận cuộc họp. Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người có số biểu quyết cao nhất và trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành. Trường hợp xác định được người trúng cử thì người trúng cử ra mắt cuộc họp.

i) Ngay sau khi cuộc họp kết thúc, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua (theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP) phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Trường hợp cuộc họp không xác định được người trúng cử thì Tổ bầu cử lập biên bản, nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại theo quy định. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu. Việc bầu lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều này.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Quy chế này.

5. Trường hợp thôn, tổ dân phố có quy mô hộ gia đình lớn hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung, điều kiện cơ sở vật chất tổ chức cuộc họp còn khó khăn thì Tổ bầu cử báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phương án tổ chức cuộc họp sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

Phương án tổ chức cuộc họp theo từng cụm dân cư bao gồm các nội dung: số lượng cụm dân cư; người chủ trì hoặc được ủy quyền chủ trì cuộc họp từng cụm dân cư; dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp, phân công thực hiện, báo cáo kết quả cuộc họp từng cụm dân cư và tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện để đạt tỷ lệ thông qua

1. Việc xây dựng kế hoạch, thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến, công khai thông tin, mẫu phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản và gửi kết quả thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP; không sử dụng phát phiếu lấy ý kiến như phương thức thay thế ngay từ đầu cho cuộc họp của cộng đồng dân cư khi pháp luật không cho phép.

2. Kết quả lấy ý kiến được thông qua khi tổng số phiếu biểu quyết tán thành của đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 15. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 16. Các trường hợp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp sau đây:

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi;

b) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không chấp hành sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 17. Tổ chức cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng ban công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Quyết định của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5. Trường hợp cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo Điều 14 của Quy chế này.

6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Quy chế này.

7. Trong thời gian khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 18. Quy trình công nhận, cho thôi Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn, sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận.

2. Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình xét thấy không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không còn được Nhân dân tín nhiệm, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm các quy định của cấp trên thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo chỉ ủy chỉ bộ thôn, tổ dân phố và thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thôi Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận, cho thôi Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã việc thực hiện Quy chế này.
2. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và Quy chế này.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quyết định công nhận và cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.
2. Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và Quy chế này.
3. Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này. Báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn với Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ trước ngày 20 tháng 10 hằng năm.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước ở thôn, tổ dân phố; hàng năm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*).
2. Sở Tài chính: Hằng năm trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện và quyết toán theo quy định.
3. Các sở, ban, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.